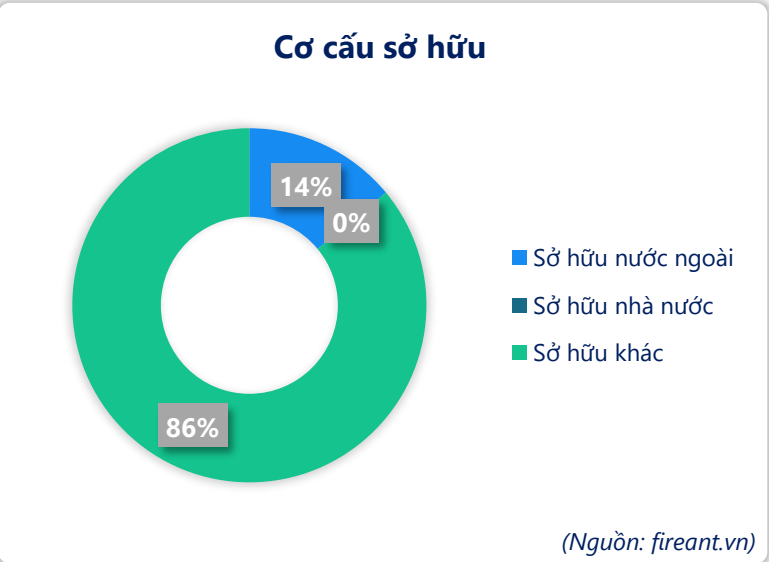
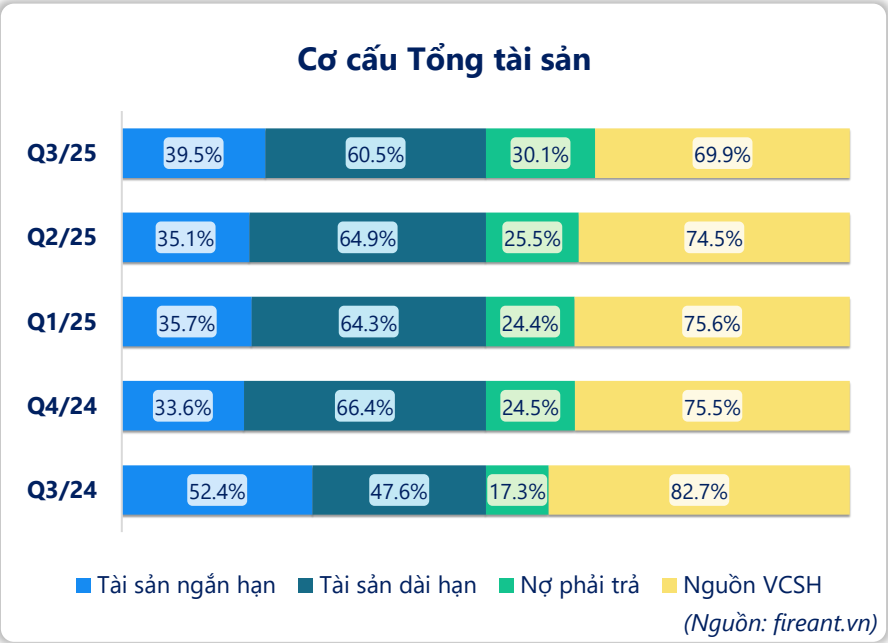
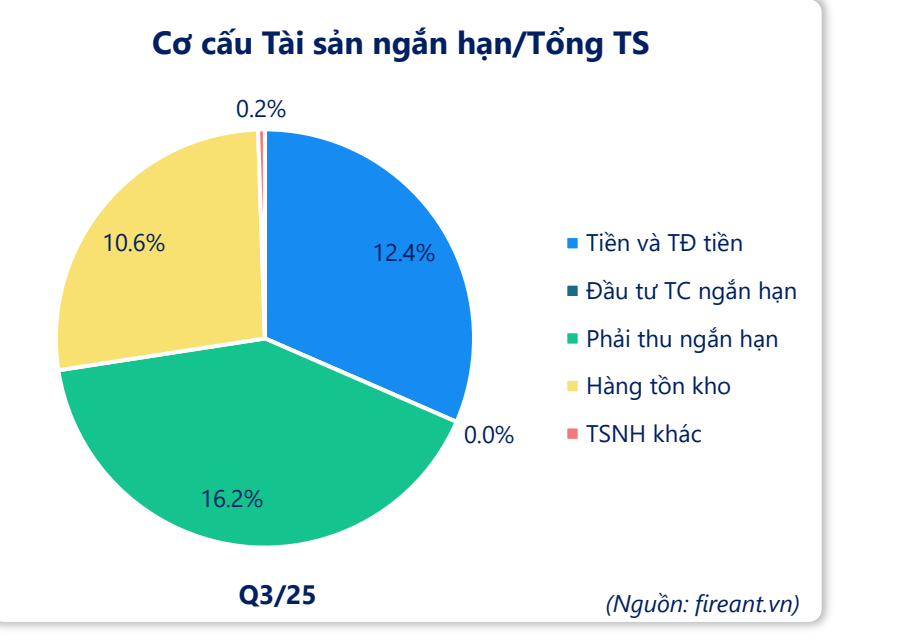
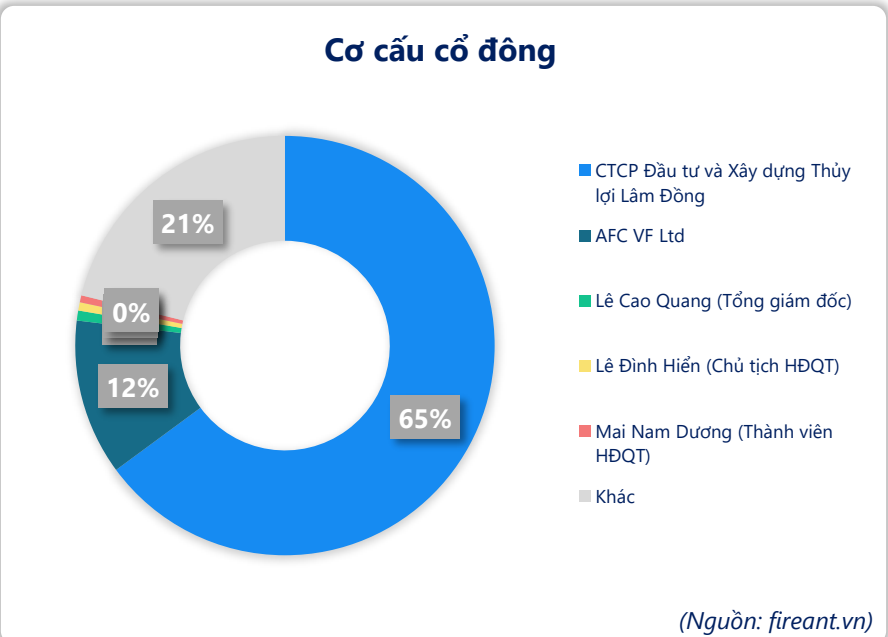
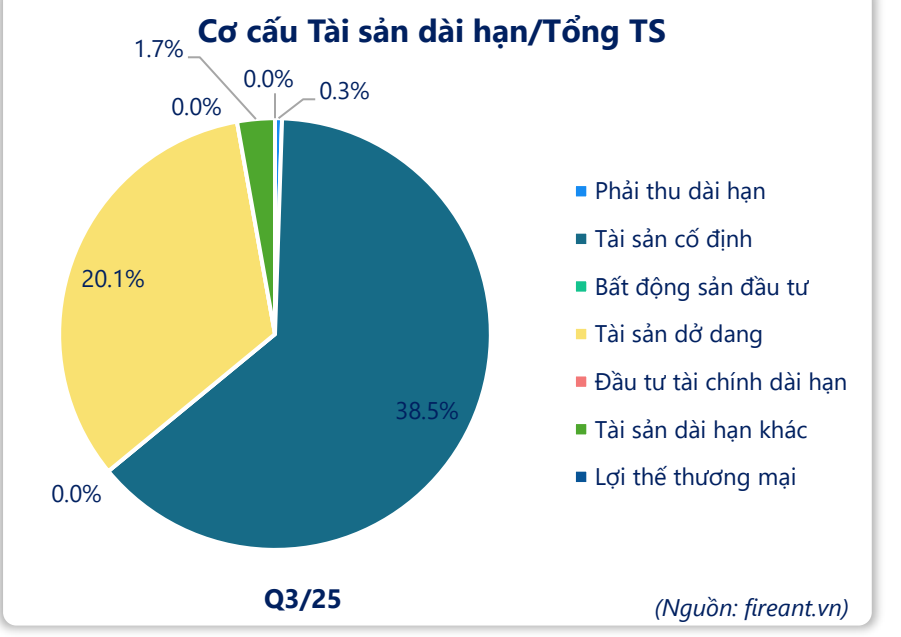
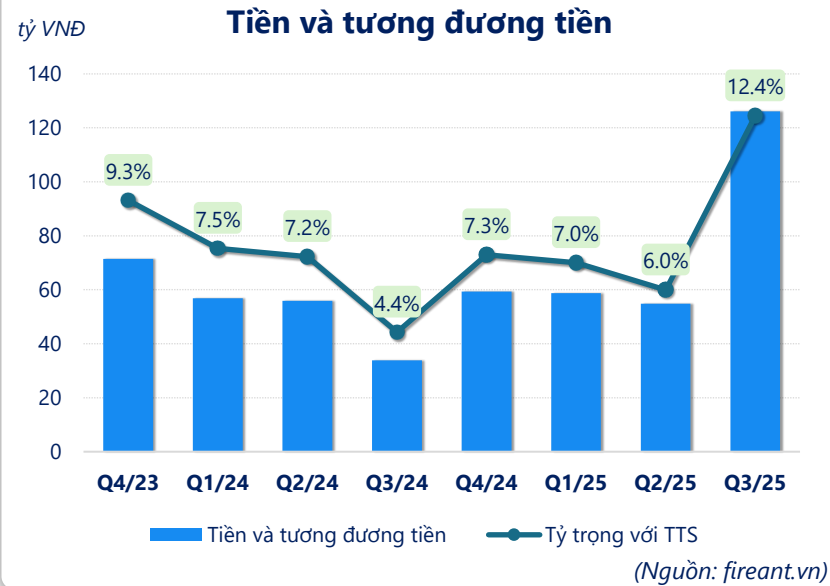
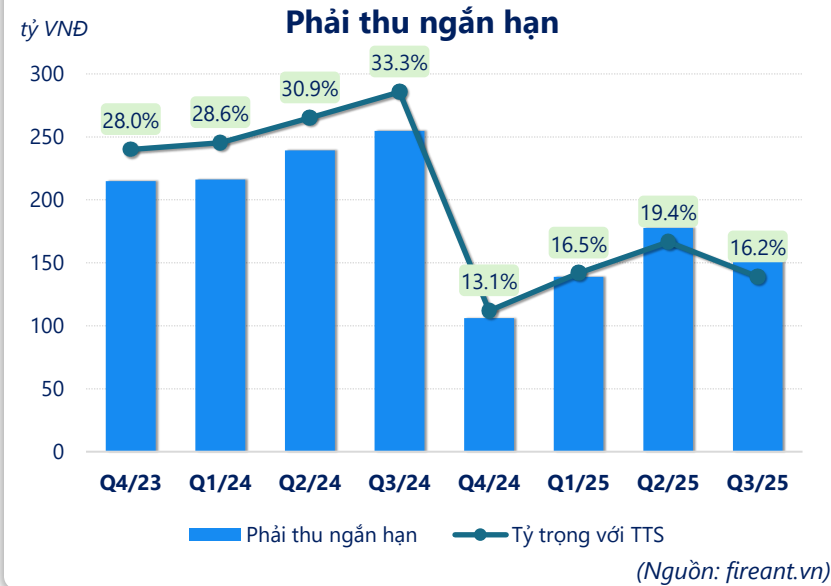
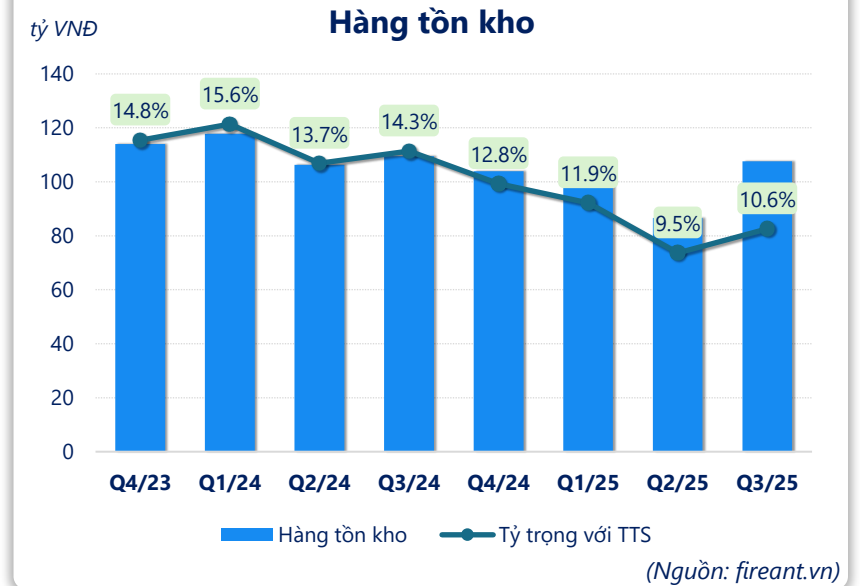
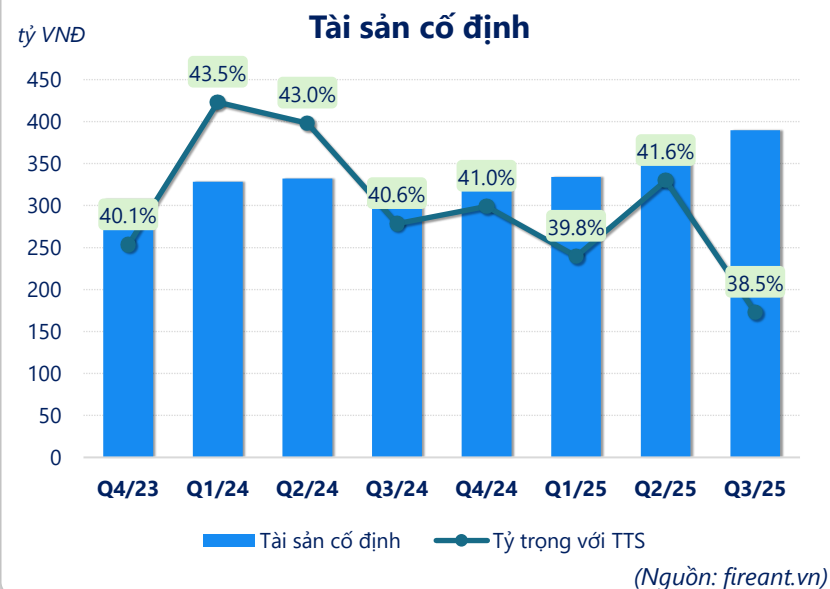
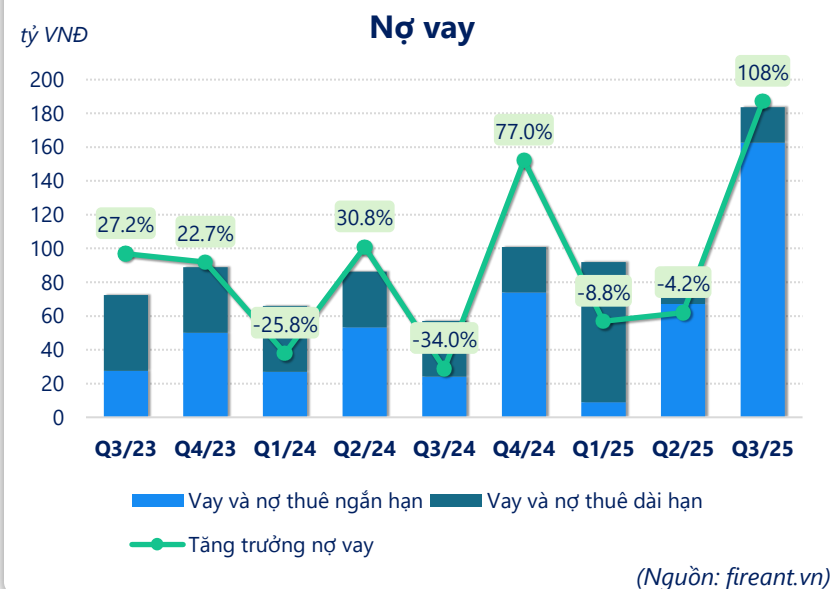
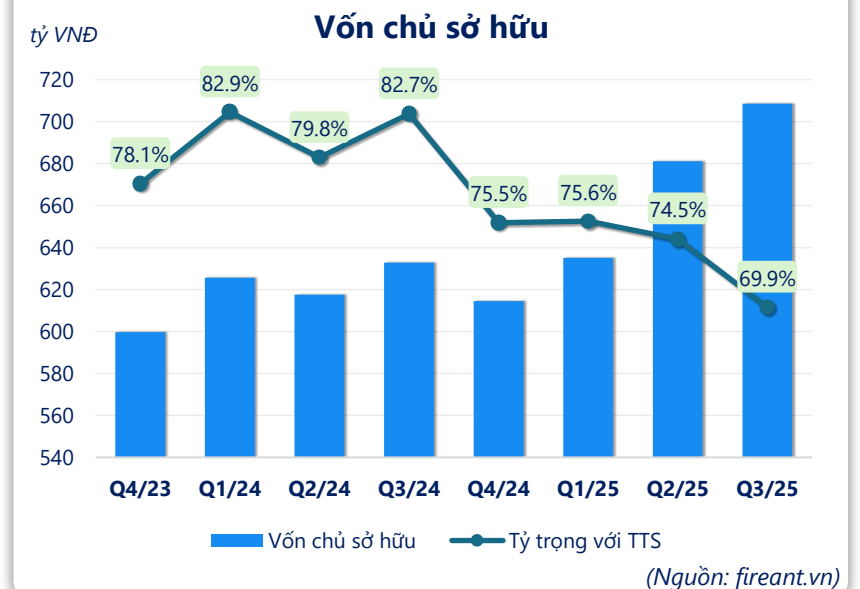
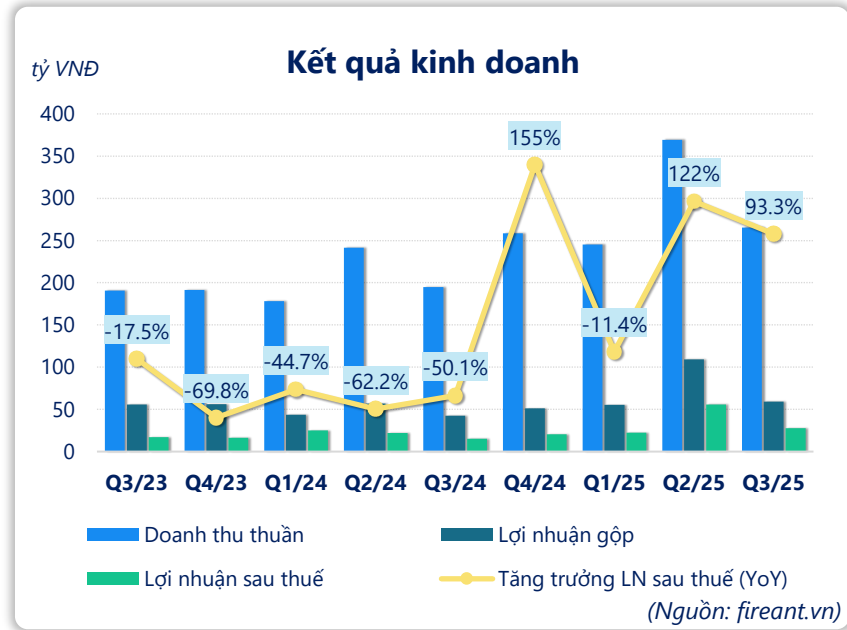
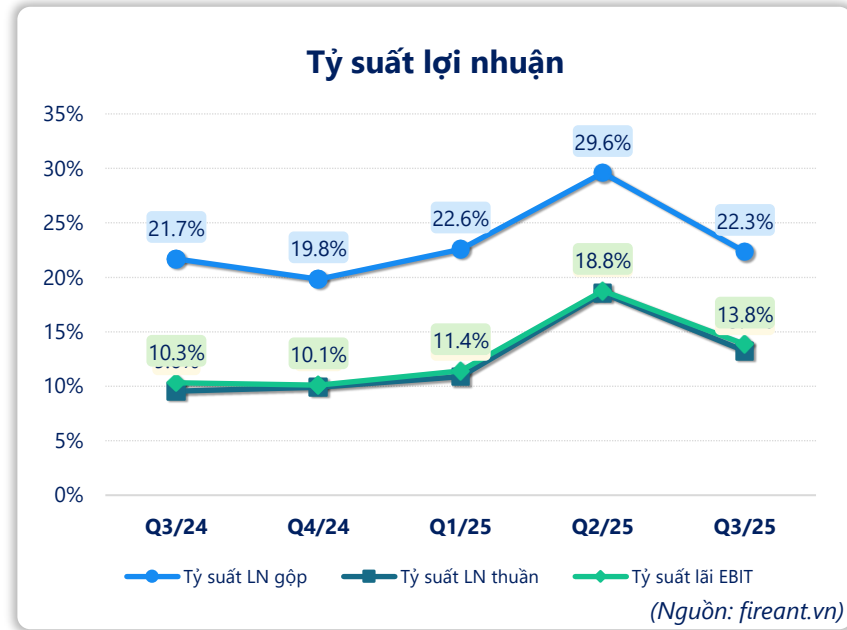
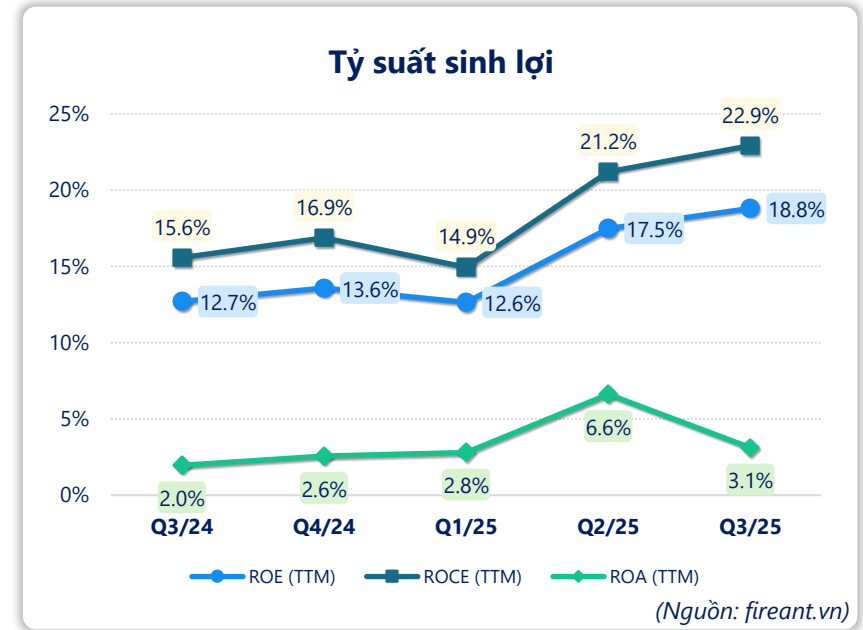
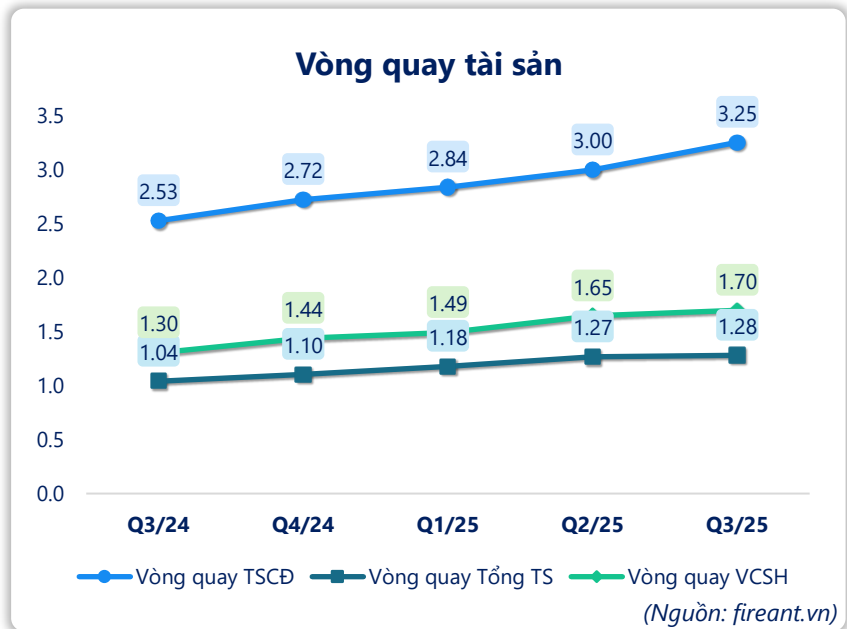
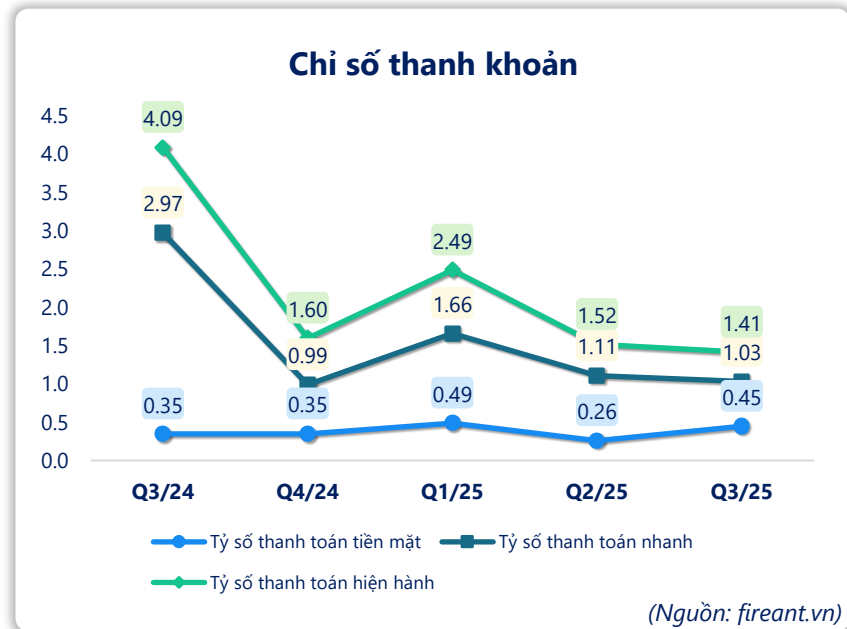
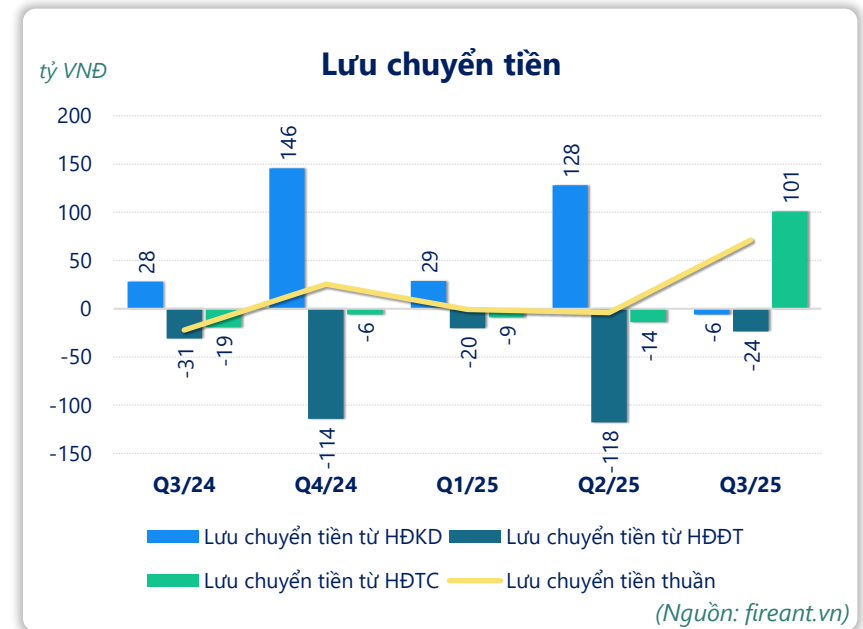


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		39,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		42,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,823
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		18,955
% sở hữu nước ngoài		14.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,572
P/E		12.5
EPS		3,153

	YTD	1T	3T	6T
LBM	41.5%	3.7%	28.2%	26.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,013	814	24.5%
Tài sản ngắn hạn	400	273	46.3%
Tiền và tương đương tiền	126	59.4	112%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	164	106	54.7%
Hàng tồn kho	108	105	2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.10	3.14	-33.0%
Tài sản dài hạn	613	541	13.4%
Phải thu dài hạn	3.21	3.20	0.2%
Tài sản cố định	390	335	16.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	203	185	10.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	17.3	17.9	-3.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	305	201	51.5%
Nợ ngắn hạn	283	173	63.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	163	73.9	120%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.6	38.9	-24.0%
Nợ dài hạn	22.0	28.0	-21.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.0	27.0	-22.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	708	613	15.6%
Vốn chủ sở hữu	708	613	15.6%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	195	259	245	369	265
Giá vốn hàng bán	153	207	190	260	206
Lợi nhuận gộp	42.3	51.3	55.3	109	59.3
Doanh thu HĐTC	0.15	0.12	0.05	0.13	0.44
Chi phí TC	1.00	0.89	1.20	1.01	1.60
Chi phí lãi vay	0.99	0.88	1.19	1.01	1.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.85	0.95	1.97	1.13	0.87
Chi phí QLDN	22.0	23.9	25.6	38.7	22.2
LN thuần từ HĐKD	18.6	25.6	26.7	68.5	35.1
Lợi nhuận khác	0.54	-0.39	0.09	-0.23	0.03
LN trước thuế	19.2	25.2	26.8	68.3	35.1
Lợi nhuận sau thuế	15.2	20.3	22.3	55.9	27.7
LNST của CĐ cty mẹ	15.2	20.3	22.3	55.8	27.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.1	146	28.8	128	-5.95
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.8	-114	-20.4	-118	-23.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.3	-6.08	-8.92	-14.0	101
Tiền đầu kỳ	55.9	33.9	59.4	58.8	54.8
Lưu chuyển tiền thuần	-22.1	25.5	-0.57	-4.01	71.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	33.9	59.4	58.8	54.8	126

(Nguồn: fireant.vn)